Bài 48

QUẦN THỂ NGƯỜI

I – MỤC TIÊU

Học xong bài này, học sinh phải :

– Trình bày được một số đặc điểm cơ bản của quần thể người, liên quan tới vấn đề dân số.

– Thay đổi nhận thức về dân số và phát triển xã hội, để sau này các em cùng với mọi người dân thực hiện tốt Pháp lệnh dân số.

II – THÔNG TIN BỔ SUNG

Quần thể người khác với quần thể sinh vật ở những đặc điểm kinh tế và xã hội như pháp luật, chế độ hôn nhân, văn hoá, giáo dục, thu nhập kinh tế...

Những đặc trưng cơ bản của quần thể người gồm sự phân bố dân cư theo lãnh thổ, cấu trúc thành phần nam nữ (tỉ lệ giới tính), các nhóm tuổi, mối quan hệ giữa dân số và sự phát triển xã hội, giữa dân số và gia đình, dân số và tài nguyên, các quy luật của sự phát triển dân số...

1. Sự khác nhau giữa quần thể người với các quần thể sinh vật khác

Trong một nước tỉ lệ nam/nữ có ảnh hưởng tới mức độ tăng, giảm dân số từng thời kì, đến sự phân công lao động và mọi hoạt động khác của xã hội. Tỉ lệ giới tính phụ thuộc vào mức sinh sản tự nhiên, tình hình tử vong của từng giới và cả đường lối phát triển dân số của một nước.

Theo dõi tình hình thực tế sinh đẻ từ trước đến nay, số bé trai mới sinh thường nhiều hơn bé gái. Trung bình cứ 100 bé gái thì có 105 bé trai chào đời. Sau đó tỉ lệ tử vong ở nam cao hơn nữ. Đến lứa tuổi 40 – 50 thì thường số lượng nam bằng số lượng nữ. Có nhiều lí do để giải thích cho điều đó :

– Lí do cơ bản có lẽ là do sức chịu đựng ở nữ cao hơn nam.

– Nhiều nơi chế độ lao động của nam giới nặng nhọc hơn nữ giới.

– Ở một số nước, tỉ lệ nam giới tử vong trong chiến tranh cao hơn nữ giới.

– Ở một số nơi, tệ nạn xã hội ở nam cao hơn ở nữ giới...

– Nữ có cặp nhiễm sắc thể giới tính XX, các gen lặn trên X ở nữ ít biểu hiện hơn ở nam chỉ có 1 nhiễm sắc thể X.

2. Đặc trưng về thành phần nhóm tuổi của mỗi quần thể người

Tháp dân số thể hiện đặc trưng dân số của mỗi nước. Tháp tuổi là biểu đồ gồm các hình chữ nhật xếp chồng lên nhau. Mỗi hình chữ nhật ứng với mỗi nhóm tuổi, xếp từ tuổi thấp lên tuổi cao hơn. Chiều rộng của mỗi hình chữ nhật biểu thị số lượng người ở mỗi nhóm tuổi. Độ xiên của tháp tuổi biểu thị mức độ tử vong. Độ cao của cả tháp tuổi biểu thị tuổi thọ của quần thể.

– Nếu một nước có đông trẻ em dưới 15 tuổi (chiếm trên 30% dân số), số lượng người già không nhiều (chiếm dưới 10%), tuổi thọ trung bình thấp, được xếp vào loại nước có dân số trẻ.

– Nếu một nước có ít trẻ em dưới 15 tuổi (dưới 30% tổng số dân), số lượng người già tương đối nhiều (chiếm trên 10%), tuổi thọ trung bình khá cao, được xếp vào loại nước có dân số già.

Tháp tuổi của mỗi nước phụ thuộc vào tỉ lệ sinh đẻ và tử vong của từng lứa tuổi. Các tỉ lệ này thay đổi tuỳ theo đặc điểm phát triển dân số trong mỗi giai đoạn lịch sử.

3. Tăng dân số và phát triển xã hội

Sự tăng giảm dân số phụ thuộc vào số người sinh ra, số người tử vong và số người di cư. Sự tăng giảm do kết quả giữa số người sinh ra và tử vong gọi là sự tăng giảm dân số tự nhiên. Sự tăng giảm dân số thực là sự tăng giảm dân số tự nhiên cộng với số người nhập cư và trừ đi người xuất cư.

Tuỳ tình hình mỗi nước, cần phải có chính sách thích hợp để giải quyết vấn đề dân số cho cân đối với các điều kiện kinh tế, xã hội đảm bảo cho mọi người có việc làm và mức sống ngày một tốt hơn.

III – THIẾT BỊ DẠY HỌC

Tranh phóng to hình 48 SGK.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH BÀI HỌC

1. Sự khác nhau giữa quần thể người với các quần thể sinh vật khác

Hoạt động 1. Điền vào bảng 48.1 SGK về đặc điểm của quần thể người và quần thể sinh vật.

– Đặc điểm có ở cả ở quần thể sinh vật và quần thể người : giới tính, lứa tuổi, mật độ, sinh sản, tử vong.

– Đặc điểm có ở quần thể người, không có ở quần thể sinh vật : pháp luật, kinh tế, hôn nhân, giáo dục, văn hoá.

2. Đặc trưng về thành phần nhóm tuổi của mỗi quần thể người

Hoạt động 2. Điền vào bảng 48.2 SGK về các đặc điểm của 3 dạng tháp tuổi.

Dựa vào các nội dung sau để điền vào bảng 48.2 SGK :

Hình 48.2. a SGK là tháp dân số có đáy rộng chứng tỏ số trẻ em sinh ra hằng năm cao. Cạnh tháp xiên nhiều và đỉnh tháp nhọn biểu hiện tỉ lệ người tử vong cao. Tuổi thọ trung bình thấp. Đây là dạng tháp tuổi thường gặp ở các nước đang phát triển.

Hình 48.2. b SGK là tháp tuổi có đáy rộng, song các cạnh tháp ít xiên hơn ở dạng tháp tuổi phát triển, biểu thị tỉ lệ sinh cao và tỉ lệ tử vong đã giảm (vẫn còn cao nhưng giảm hơn ở hình 48.2 a). Số trẻ em dưới 15 tuổi chiếm tỉ lệ cao (chiếm khoảng 35% tỉ lệ dân số). Tuổi thọ trung bình tăng lên. Đây là dạng tháp tuổi thường gặp ở các nước đang phát triển.

Hình 48.2. c SGK là tháp tuổi có đáy hẹp, đỉnh không nhọn, cạnh tháp gần như thẳng đứng, biểu thị tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử vong đều thấp. Tuổi thọ trung bình cao. Đó là dạng tháp tuổi thường gặp ở các nước công nghiệp phát triển.

Trả lời câu hỏi trong bảng 48.2 SGK : Nước có tỉ lệ trẻ em sinh ra hằng năm nhiều : a, b ; Nước có tỉ lệ tử vong cao ở người trẻ tuổi : a ; Nước có tỉ lệ tăng trưởng dân số cao : a, b (mức độ của a cao hơn b). Nước có tỉ lệ người già nhiều : c ; Dạng tháp tuổi dân số trẻ : a, b ; Dạng tháp dân số già : c.

Biểu hiện	Dạng tháp a	Dạng tháp b	Dạng tháp c
Nước có tỉ lệ trẻ em sinh ra hằng năm nhiều	v	v	
Nước có tỉ lệ tử vong cao ở người trẻ tuổi (tuổi thọ trung bình thấp)	v		
Nước có tỉ lệ tăng trưởng dân số cao	v	v	
Nước có tỉ lệ người già nhiều			v
Dạng tháp dân số trẻ (tháp phát triển)	v	v	
Dạng tháp dân số già (tháp ổn định)			v

– Một nước có dạng tháp dân số trẻ là nước có tỉ lệ trẻ em sinh ra hằng năm nhiều và tỉ lệ tử vong cao ở người trẻ tuổi, tỉ lệ tăng trưởng dân số cao.

– Nước có dạng tháp dân số già có tỉ lệ trẻ em sinh ra hằng năm ít, tỉ lệ người già nhiều.

3. Tăng dân số và phát triển xã hội

Hoạt động 3. Lựa chọn các nhân tố chịu ảnh hưởng của tăng dân số quá nhanh.

Tăng dân số quá nhanh có thể dẫn tới : thiếu nơi ở (a), thiếu lương thực (b), thiếu trường học và bệnh viện (c), ô nhiễm môi trường (d), chặt phá rừng (e), chậm phát triển kinh tế (f), tắc nghẽn giao thông (g).

Tăng dân số quá mức không dẫn tới tăng năng suất lao động một cách bền vững.

Hướng tới ghi nhớ và kết luận

Đặt câu hỏi cho học sinh trình bày để hướng tới những điều cần ghi nhớ. Có thể sử dụng ngay các câu hỏi cuối bài để hướng tới ghi nhớ và kết luận hoặc dùng các câu hỏi khác, ví dụ như :

– Những đặc trưng giống và khác nhau giữa quần thể người với các quần thể sinh vật khác mà em đã học trong bài ?

– Hậu quả của việc phát triển dân số không hợp lí của mỗi Quốc gia là gì ?

– Mục tiêu của việc thực hiện Pháp lệnh dân số là gì ? Mỗi cặp vợ chồng cần lựa chọn số lần sinh con như thế nào để phù hợp với nội dung của Pháp lệnh dân số ?

V – GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu 1. Sự khác nhau đó là do con người có tư duy, có trí thông minh và khả năng lao động nên có khả năng tự điều chỉnh các đặc trưng sinh thái trong quần thể, đồng thời cải tạo thiên nhiên.

Câu 2. Tháp dân số trẻ là tháp dân số có đáy rộng do số lượng trẻ em sinh ra hằng năm cao. Cạnh tháp xiên nhiều và đỉnh tháp nhọn biểu hiện tỉ lệ người tử vong cao. Tuổi thọ trung bình thấp.

Tháp dân số già là tháp dân số có đáy hẹp, đỉnh không nhọn, cạnh tháp gần như thẳng đứng, biểu thị tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử vong đều thấp. Tuổi thọ trung bình cao.

Câu 3. Phát triển dân số hợp lí là điều kiện để phát triển bền vững của mỗi Quốc gia, tạo sự hài hoà giữa phát triển kinh tế – xã hội với sử dụng hợp lí tài nguyên, môi trường của đất nước.

Phát triển dân số hợp lí là không để dân số tăng quá nhanh dẫn tới thiếu nơi ở, nguồn thức ăn, nước uống, ô nhiễm môi trường, tàn phá rừng và các tài nguyên khác.

Phát triển dân số hợp lí là nhằm mục đích đảm bảo tốt chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội, mọi người trong xã hội đều được nuôi dưỡng, chăm sóc và có điều kiện phát triển tốt.